TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18/5/2018
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Khắc Thái.

Ông Nguyễn Văn Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lưu Văn T; trú tại: Xóm 7, đường Đ, quận M, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư Hồ Thị Hoàng O; địa chỉ: Công ty luật N và Cộng sự - Số 5 Kiệt 187 Đường P, phường N, thành phố H, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Kim C; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Mong C, xã Xã T, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế.Tạm trú tại: A - T, T-S, SM2 48 S II 101, Japan; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Lưu Văn T đề ngày 19/9/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn anh Lưu Văn T trình bày:

Anh Lưu Văn T và Chị Lê Thị Kim C đều là du học sinh tại Nhật Bản nên từ năm 2013 anh T và chị C bắt đầu quen biết và tìm hiểu nhau. Năm 2014, anh T và chị C quyết định đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka Nhật Bản và được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka Nhật Bản cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/5/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T chị C sống chung với nhau tại Nhật Bản. Năm 2015, do hoàn cảnh gia đình nên anh T phải về Việt Nam sinh sống còn chị C vẫn ở lại Nhật Bản để tiếp tục học tập. Từ đó đến nay, vợ chồng anh T chị C sống xa cách, không có điều kiện gần gủi, quan tâm, chăm sóc nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, giữa vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn trong lối sống và cách suy nghĩ. Chị C cũng không có ý định về Việt Nam cùng anh T tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, khả năng vợ chồng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T có nguyện vọng xin được ly hôn đối với Chị Lê Thị Kim C để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Chị Lê Thị Kim C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; Công văn yêu cầu chị trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc anh T xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà anh T đề nghị Tòa án sao gửi cho chị. Ngày 28/11/2017 và ngày 09/3/2018, Tòa án nhận được thư trả lời của chị gửi về cho Tòa án, thư có nội dung: Chị đã nhận được các công văn và tài liệu của Tòa án tỉnh Thừa Thiên Huế gửi cho chị, chị đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh T; chị và anh T không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, do bận học tập và công việc nên chị không về Việt Nam tham gia toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; xét bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Chị Lê Thị Kim C.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhân yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lưu Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng anh T và Chị Lê Thị Kim C kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng

ký kết hôn tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka Nhật Bản và được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka Nhật Bản cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/5/2014. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình nên sau khi kết hôn anh T phải trở về Việt Nam sinh sống và chị C vẫn còn đang học tập tại Nhật Bản, không có ý định về Việt Nam tiếp tục cùng anh T xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét tình cảm vợ chồng giữa họ thực sự đã hết, khả năng đoàn tụ vợ chồng là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh T xin ly hôn là tự nguyện, chị C cũng có thư trả lời đồng ý ly hôn và xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị C đều thừa nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lưu Văn T được ly hôn với Chị Lê Thị Kim C.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Lưu Văn T và Chị Lê Thị Kim C đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lưu Văn T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 5319 ngày 02/11/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Anh Lưu Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Kim C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;Tòa DS;HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Hưng Bính